

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 - LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2025/HNGĐ-ST

Ngày 29 - 9 - 2025

“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Văn Bào

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hòa và bà Trần Thị Hòa

- Thư ký Tòa án phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Dũng- Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Xuân Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 9 - Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 77/2025/TLST, ngày 26 tháng 4 năm 2025, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2025/QĐST- HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2025/QĐST- HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Lâm Đồng, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lò Thị N, sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn Hợp Tân, xã E, huyện C, tỉnh Đ (Nay là Thôn Hợp Tân, xã Đ, tỉnh L) - Có mặt.

- Bị đơn: ông Phạm Bá Ng, sinh năm 1973

Địa chỉ: Thôn Hợp Tân, xã E, huyện C, tỉnh Đ (Nay là Thôn Hợp Tân, xã Đăk Wil, tỉnh L) – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lò Thị N trình bày: Bà Lò Thị N và ông Phạm Bá Ng kết hôn năm 2004, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông (nay là UBND xã Đăk Wil, tỉnh Lâm Đồng), hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không ép buộc. Sau khi kết hôn bà N, ông Ng sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng sống không hòa hợp, thường xuyên chửi mắng nhau nên bà N đã sống ly thân với ông Ng từ năm 2024. Vì vậy, bà Nhung khởi kiện

yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Ng. Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân bà N, ông Ng có các con Phạm Thị Hoài Nh, sinh năm 1999; Phạm Thị Trà M, sinh ngày 20/9/2007. Hiện cháu Nh đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Riêng cháu M sinh ngày 20/9/2007, thời điểm Tòa án đưa vụ án ra xét xử (ngày 29/9/2025) cháu M đã trên 18 tuổi nên bà Nhung không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Phạm Bá Ng. Tuy nhiên ông Nguyễn không có mặt theo giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Vì vậy, Tòa án không tiến hành lấy lời khai được với bị đơn, không tiến hành hòa giải giữa các đương sự với nhau được. Do đó, Tòa án phải đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và nội dung vụ án:

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình. Bị đơn Phạm Bá Ng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không chấp hành giấy triệu tập; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần lần 1 và lần 2; bị đơn không tham gia phiên tòa lần 1 và lần 2 (vắng mặt không có lý do). Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành lập biên bản và làm các thủ tục đúng theo quy định của pháp luật nên về hình thức tố tụng Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 xét thấy đảm bảo đầy đủ và hợp pháp.

- Về nội dung: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nhung

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lò Thị N được ly hôn với ông Phạm Bá Ng.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân bà N, ông Ng có 02 con chung: Phạm Thị Hoài Nh, sinh năm 1999 đã trên 18 tuổi nên không xem xét giải quyết; riêng Phạm Thị Trà M, sinh ngày 20/9/2007, thời điểm Tòa án thụ lý vụ án, M chưa đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, thời điểm Tòa án đưa vụ án ra xét xử (ngày 29/9/2025) cháu M đã trên 18 tuổi, tại phiên tòa bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hòa giải theo quy định của pháp luật, nhưng các đương sự không thỏa thuận với nhau được về nội dung giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án phải đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cư Jút (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 9- Lâm Đồng) giải quyết ly hôn với ông Phạm Bá Ng, bị đơn có nơi có cư trú tại xã E, huyện Cư Jút (nay là xã Đăk Wil, tỉnh Lâm Đồng) nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 9- Lâm Đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về chấp hành pháp luật của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không chấp hành giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần 1 và lần 2, phiên tòa lần thứ nhất và lần 2 bị đơn đều vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án phải đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét quan hệ hôn nhân giữa bà Nhung và ông Ng, ông bà kết hôn từ năm 2004 và đăng ký kết hôn tại UBND xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông (nay là UBND xã Đăk Wil, tỉnh Lâm Đồng), hôn nhân giữa bà N, ông Ng là tự nguyện, không bị ép buộc. Do đó quan hệ hôn nhân là hợp pháp theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà N: Sau khi kết hôn năm 2004, bà N, ông Ng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, không có hạnh phúc nên bà N, ông Ng đã sống ly thân từ đầu năm 2024 đến nay. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà N, ông Ng có nhiều mâu thuẫn trầm trọng, đã sống ly thân, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà N khởi kiện ly hôn ông Ng là có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà N.

[3.2] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân bà N, ông Ng có 02 con chung là chị Nh, sinh năm 1999 và chị M, sinh ngày 20/9/2007 hiện các con đã trên 18 tuổi nên bà N đề nghị Tòa án không xem xét giải quyết việc nuôi con. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, bà N nhận nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là tự nguyện nên cần chấp nhận.

[5] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 tại phiên tòa có căn cứ, đúng pháp luật nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 143; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lò Thị N

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Lò Thị N được ly hôn với ông Phạm Bá Ng.
2. *Về con chung:* Các con chung đã trên 18 tuổi nên không xem xét giải quyết;
3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.
4. *Về án phí:* Bà N nhận nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng bà N đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0005474 ngày 23/4/2025.

5. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn bà Lò Thị N có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án.

Bị đơn ông Phạm Bá Ng vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND tỉnh LD;
- VKSND tỉnh LD;
- VKSND KV9- LD;
- THADS tỉnh LD (P9);
- UBND xã Đắk Wil;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

NÔNG VĂN BÀO

6. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn Nhung có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án.

Nguyên đơn Nhung; Bị đơn anh Nguyễn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA